

Đánh giá hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Trương Đỗ Thùy Linh¹, Thái Bảo Trân¹, Đỗ Thị Tâm^{2*}, Tạ Minh Ngọc³,
Phạm Anh Tuấn³, Nguyễn Quang Thi⁴

¹Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

²Học viện Nông nghiệp Việt Nam

³Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

⁴Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Assessment of the effectiveness of the electronic tax interconnection model in the land use right certificate issuance in Nhon Trach district, Dong Nai province

Truong Do Thuy Linh¹, Thai Bao Tran¹, Do Thi Tam^{2*}, Ta Minh Ngoc³,
Pham Anh Tuan³, Nguyen Quang Thi⁴

¹Nong Lam University, Ho Chi Minh city

²Vietnam National University of Agriculture

³Hanoi University of Natural Resources and Environment

⁴Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

*Corresponding author: dttam@vnua.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.14.1.2025.103-114>

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 02/12/2024

Ngày phản biện: 03/01/2025

Ngày quyết định đăng: 24/01/2025

Từ khóa:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, huyện Nhơn Trạch, liên thông thuế điện tử, quản lý đất đai.

Keywords:

Electronic tax interconnection, land management, land use rights certificate, Nhon Trach district.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế (LTT) điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình này tại địa phương theo đúng quy định hiện hành. Các phương pháp sử dụng là: điều tra thứ cấp, điều tra sơ cấp, thang đo Likert 5 mức, phần mềm quản lý đất đai DongNaiLIS, DNeGov Framework 2.0 và Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (CSDL) Oracle. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng hồ sơ trễ hạn, không đạt là 4,75% và số lượng hồ sơ trước hạn và đúng hạn đạt 95,25%. Cán bộ công chức đánh giá hiệu quả mô hình LTT điện tử với 19/20 tiêu chí ở mức tốt. Người dân đánh giá hiệu quả mô hình LTT điện tử với 14/15 tiêu chí ở mức tốt. Mô hình còn tồn tại một số hạn chế về chức năng của các phần mềm và quá trình trao đổi thông tin giữa các cơ quan còn chưa đảm bảo. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử, đó là: giải pháp về công nghệ, giải pháp nguồn nhân lực và giải pháp tài chính.

ABSTRACT

The study aims to assess the current status and operational effectiveness of the electronic tax interconnection model in the land use right certificate in Nhon Trach district, Dong Nai province, thereby proposing solutions to improve this model locally by current regulations. The methods used were: secondary survey, primary survey, 5-level Likert's scale, Land Management software DongNaiLIS, DNeGov Framework 2.0, and Oracle Database Management System. The research results show that the number of late and unqualified records was only 4.75% and the number of records before the deadline and on time was 95.25%. Officials assess the effectiveness of the electronic tax interconnection model with 19/20 criteria at a good level. People evaluate the effectiveness of the electronic tax interconnection model with 14/15 criteria at a good level. The model still has some limitations in the software functions and the information exchange process between agencies is not yet guaranteed. From there, solutions to complete and improve the efficiency of the operation of the electronic tax interconnection model, which are technology solutions, human resource solutions, and financial solutions, will be proposed.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Liên thông thuế (LTT) điện tử giữa cơ quan Đăng ký đất đai (ĐKĐĐ) và cơ quan Thuế là một hợp phần rất quan trọng đối với cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai [1]. Mô hình này đang được triển khai hiệu quả tại nhiều tỉnh, thành phố với khoảng 141.544 hồ sơ phát sinh liên quan đến thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính được ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2024 [2]. Thuế điện tử làm tăng mức độ tuân thủ thuế ở Nigeria [3]; giảm tình trạng rò rỉ thông tin, tăng hoạt động quản lý doanh thu tại Gambia [4] và có tác động tích cực đến sự tuân thủ của người nộp thuế cá nhân ở huyện Badung [5].

LTT còn là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của VPĐKĐĐ [6, 7]. Tài chính đất đai góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương [8]. Tại các nước phát triển, thuế liên quan đến đất đai luôn chiếm 50 - 90% tổng thu ngân sách địa phương [9]. Như vậy, việc hiện đại hóa quá trình thu và quản lý nguồn thu từ đất vào ngân sách Nhà nước là rất cần thiết.

Huyện Nhơn Trạch nằm ở phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30 km. Những năm gần đây huyện có tốc độ đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng rất nhanh. Vì vậy, nhu cầu về sử dụng đất có xu hướng biến động mạnh đã phát sinh một số bất cập trong quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt công tác cấp GCN quyền sử dụng đất. Do lượng hồ sơ lớn nên việc luân chuyển hồ sơ từ cơ quan TN&MT sang cơ quan thuế mất nhiều thời gian và có thể gặp nhiều sai sót. Điều đó có thể ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ lĩnh vực đất đai. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cải thiện chất lượng dịch vụ hành chính công huyện đã triển khai mô hình LTT điện tử trong công tác cấp GCN để người dân nhận hồ sơ và hoàn thành nghĩa vụ tài chính tại Bộ phận tiếp

nhận và trả kết quả. Bài báo nhằm đánh giá thực trạng và hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử trong công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình này tại địa phương theo đúng quy định hiện hành.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu thứ cấp được thu thập từ Phòng TN&MT, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (CNVPĐKĐĐ) huyện Nhơn Trạch và các nghiên cứu từ trước. Số liệu sơ cấp được thu thập trong năm 2024. Để đảm bảo độ tin cậy thống kê, tiến hành điều tra trực tiếp 100 phiếu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách liệt kê người sử dụng đất đã tham gia mô hình LTT điện tử. Đồng thời điều tra ngẫu nhiên 90 công chức, viên chức công tác tại CNVPĐKĐĐ, cơ quan thuế, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả...

Phương pháp xử lý số liệu: Hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử được đánh giá thông qua việc điều tra ý kiến của cán bộ công chức, viên chức và người dân khi tham gia mô hình theo thang đo 5 mức của Likert [10], tương ứng với 5 mức điểm từ: 5 điểm - rất cao/rất tốt; 4 điểm - cao/tốt; 3 điểm - trung bình; 2 điểm - thấp/kém; 1 điểm - rất thấp/rất kém. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và điểm số của từng mức độ, với 5 mức: rất tốt (từ 4,20 trở lên); tốt (từ 3,40 đến nhỏ hơn 4,20); bình thường (từ 2,60 đến nhỏ hơn 3,40); kém (từ 1,80 đến nhỏ hơn 2,60); rất kém (nhỏ hơn 1,80). Các tiêu chí đánh giá như trình bày trong Bảng 3 và Bảng 4.

Phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin: Sử dụng phần mềm Quản lý đất đai DongNaiLIS, DNeGov Framework 2.0 và hệ quản trị CSDL Oracle trong quá trình tìm hiểu về thực trạng và đánh giá hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Huyện Nhơn Trạch được quy hoạch là thành phố vệ tinh nằm ở phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 [11]. Do chưa thực hiện được nên ngày 09/01/2023 huyện tiếp tục được đề nghị phát triển thành đô thị vào năm 2023 theo Nghị quyết số 09-NQ/TU [12]. Năm 2023, dân số của huyện là 287.540 người, mật độ dân số 763 người/km². Huyện có tổng diện tích tự nhiên là 37.677,90 ha, chiếm 6,95% diện tích tỉnh Đồng Nai; trong đó, đất nông nghiệp có 22.401,3 ha chiếm 59,5% và đất phi nông nghiệp có 15.276,6 ha chiếm 40,5%.

Từ khi thực hiện Luật Đất đai 2013

(01/7/2014) đến 31/12/2023, huyện đã cấp được 134.992 GCN cho 179.140 thửa đất, thu về 2.755.812 triệu tiền sử dụng đất, 1.020.031 triệu thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất và 385.011 triệu lệ phí trước bạ nhà, đất (Bảng 1). Do vậy việc thực hiện mô hình LTT điện tử là rất quan trọng nhằm thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và đảm bảo công khai minh bạch nguồn thu từ cấp GCN quyền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước là rất quan trọng.

Bảng 1. Kết quả thu và quản lý các nguồn thu từ cấp giấy chứng nhận

ĐVT: triệu đồng

Thời gian	Thu tiền sử dụng đất			Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất			Lệ phí trước bạ nhà, đất		
	Thực hiện	Dự toán pháp lệnh	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán pháp lệnh	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán pháp lệnh	Tỷ lệ (%)
T7-T12/2014	45.478	50.000	90,96	14.405	22.000	65,48	7.132	8.000	89,15
2015	87.279	72.000	121,22	33.761	42.000	80,38	17.410	15.000	116,07
2016	128.919	85.000	151,67	44.967	44.000	102,20	23.159	15.000	154,39
2017	260.105	120.000	216,75	48.027	52.000	92,36	29.710	18.500	160,59
2018	321.696	150.000	214,46	62.472	80.000	78,09	32.707	27.000	121,14
2019	301.788	150.000	201,19	104.322	100.000	104,32	53.241	36.500	145,87
2020	734.806	200.000	367,40	158.186	190.000	83,26	42.907	59.000	72,72
2021	369.071	237.000	155,73	184.210	160.000	115,13	39.680	48.000	82,67
2022	434.162	160.000	271,35	287.618	190.000	151,38	97.192	40.000	242,98
2023	72.508	200.000	36,25	82.063	250.000	32,83	41.873	79.000	53,00
	2.755.812	1.424.000	193,53	1.020.031	1.130.000	90,27	385.011	346.000	111,27

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Nhơn Trạch, 2014-2023 [13]

3.2. Hiện trạng cơ sở dữ liệu và mô hình liên thông thuế điện tử trong cấp giấy chứng nhận tại huyện Nhơn Trạch

CSDL địa chính huyện Nhơn Trạch được quản lý và vận hành bằng phần mềm quản lý đất đai DongNaiLIS theo mô hình tập trung tại Sở TN&MT. Với mô hình ứng dụng là Client/Server; Môi trường lập trình phát triển ứng dụng là Microsoft Visual Studio.NET kết hợp với các công nghệ nền của ESRI phiên bản

10.3 như: ArcGIS Engine Developer Kit, ArcGIS Server; Cùng với hệ quản trị CSDL Oracle kết hợp ArcGIS Server để quản trị CSDL thuộc tính và không gian theo mô hình GeoDatabase. Nhờ vậy mà công tác QLĐĐ của địa phương đã có nhiều bước tiến quan trọng như: (1) Tất cả hồ sơ thủ tục ĐKĐĐ đều được thực hiện trên CSDL địa chính; (2) CSDL địa chính được cập nhật trên môi trường điện tử, tuân thủ đúng bộ thủ tục hồ sơ hành chính về đất đai của UBND tỉnh; (3) tăng

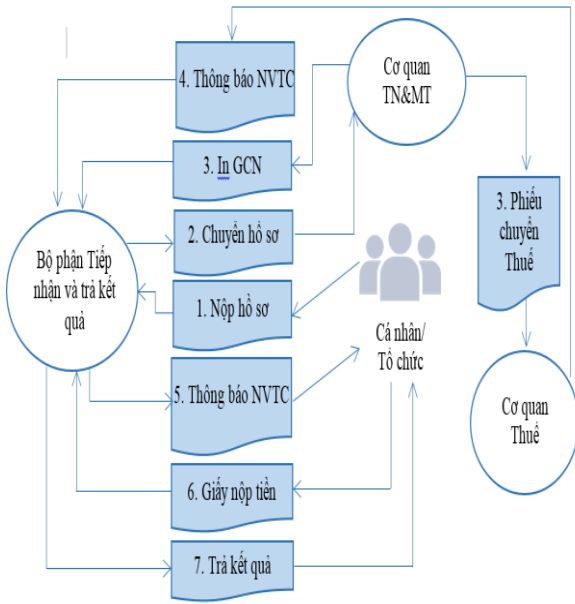
hiệu quả làm việc của cán bộ chuyên môn.

Ngày 01/11/2017, mô hình LTT trong cấp GCN của Tỉnh Đồng Nai ra đời dựa trên Thông tư liên tịch 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT [1] và Quyết định 2880/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai với 2 hình thức:

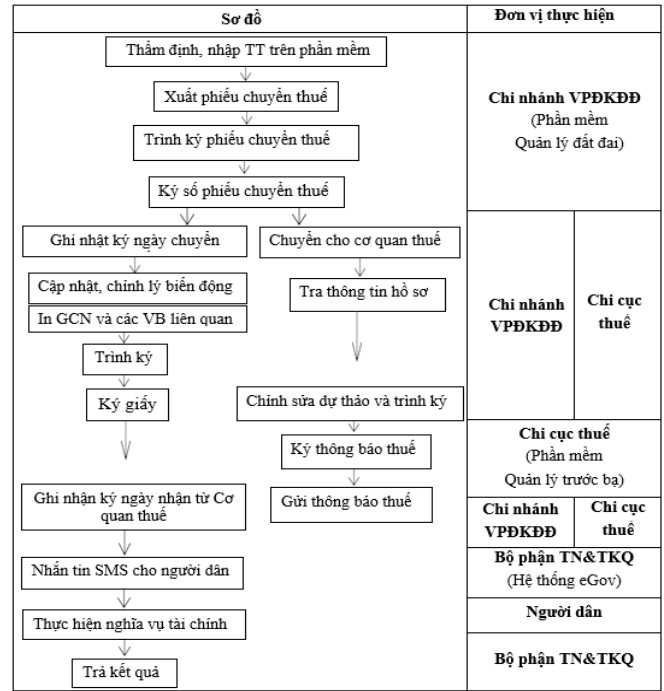
- LTT: là mô hình liên kết giữa cơ quan TN&MT và cơ quan Thuế nhằm rút ngắn quá

trình giải quyết hồ sơ và tạo thuận lợi cho người dân thực hiện nghĩa vụ tài chính.

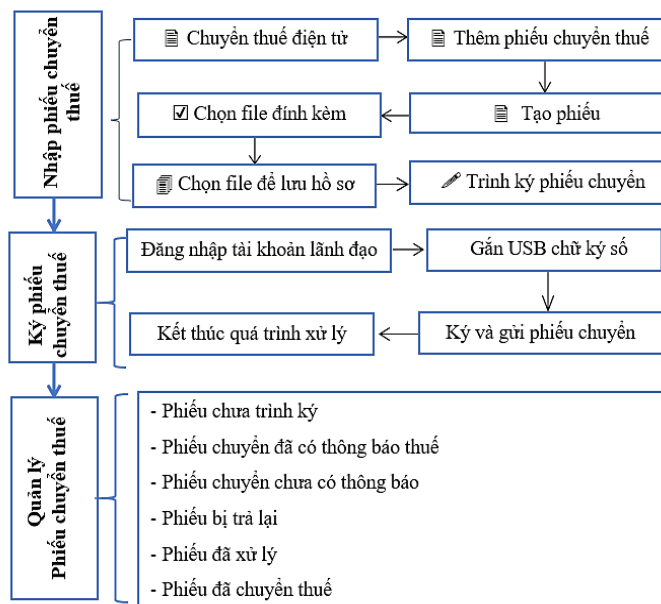
- LTT điện tử: là mô hình LTT được thực hiện trên môi trường tác nghiệp điện tử, từ xử lý hồ sơ đến hoàn tất nghĩa vụ tài chính nhằm rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao hiệu quả công việc.



Hình 1. Quy trình chung liên thông thuế điện tử trong cấp giấy chứng nhận [14, 15]



Hình 2. Quy trình thực hiện liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận



Hình 3. Nhập và ký phiếu chuyển thuế trên phần mềm Quản lý đất đai

Việc giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử giúp thông tin được chính xác, không bị gián đoạn, rút ngắn thời gian giải quyết cũng như thời gian luân chuyển hồ sơ. Đồng thời, đảm bảo tiêu chí công khai, minh bạch, giúp người dân theo dõi được tiến trình giải quyết hồ sơ.

Sau khi xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan TN&MT xuất Phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính điện tử trên phần mềm Phân hệ Quản lý đất đai và chuyển sang cơ quan Thuế. Căn cứ vào đó, cơ quan Thuế xuất Thông báo thuế điện tử và chuyển đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận này sẽ thông báo đến người dân thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi được nhận GCN. Người dân chỉ cần nộp và nhận kết quả tại một chỗ nên tiết kiệm nhiều thời gian. Mặt khác, việc liên thông giữa 2 cơ quan giúp quá trình trao đổi thông tin liên tục, chuẩn xác, nhanh, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính giảm từ 02 - 05 ngày. Đặc biệt, LTT còn giúp rút gọn quy trình, thủ tục xử lý hồ sơ (giảm từ 5 còn 3 cán bộ). Như vậy là cùng một lúc vừa giải quyết được số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn tăng vừa tăng nguồn thu vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: thời gian thực hiện thủ tục cấp GCN cho công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng là không quá 15 ngày (giảm 05 ngày); thời gian cấp lại GCN do bị mất là không quá 10 ngày (giảm 20 ngày); đối với thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thời hạn giải quyết và trả kết quả không quá 05 ngày làm việc (giảm 02 ngày).

Sau khi kết thúc quá trình xử lý hồ sơ trên phần mềm Quản lý đất đai, cán bộ ở Chi cục Thuế tiếp tục tiến hành tiếp nhận phiếu chuyển thuế trên phần mềm Quản lý trước bạ nhà, đất. Cụ thể là:

(i) Tiếp nhận phiếu chuyển và lập thông báo thuế, gồm: (1) Tiếp nhận phiếu chuyển thuế; (2)

Phân công xử lý phiếu chuyển; (3) Tra cứu Phiếu chuyển thuế; (4) Ký số thông báo thuế; (5) Trả kết quả về cho cơ quan TNMT.

(ii) *Tra cứu thông tin nghĩa vụ tài chính*: Sau khi cá nhân, tổ chức nhận được tin nhắn thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính sẽ truy cập vào địa chỉ:

<https://ungdung.stnmt.dongnai.gov.vn/lienthongthue/pTraCuu.aspx>. Chức năng cung cấp cho cá nhân, tổ chức 2 hình thức tra cứu là tra cứu theo số biên nhận và tra cứu theo thông tin thửa đất theo số tờ/ số thửa và khu vực hành chính.

Các đối tượng tham gia thực hiện mô hình LTT điện tử gồm: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Cơ quan TN&MT; Cơ quan Thuế; hệ thống một cửa eGov; và người sử dụng đất.

Kết quả thực hiện mô hình LTT cho thấy kể từ ngày 01/7/2014 Luật Đất đai có hiệu lực đến nay, huyện trải qua ba giai đoạn LTT: (1) LTT truyền thống; (2) LTT truyền thống kết hợp vận hành thử nghiệm LTT điện tử ở một số loại hồ sơ; (3) LTT điện tử.

Mô hình LTT điện tử vận hành thử nghiệm từ ngày 01/03/2018. Đến năm 2020, huyện triển khai, vận hành chính thức LTT điện tử giữa phần mềm Quản lý đất đai và phần mềm Quản lý trước bạ nhà, đất [16]. Theo đó kể từ ngày 20/7/2020, chính thức vận hành mô hình LTT điện tử, giúp Chi cục thuế và CNVPH&ĐĐ giảm được rất nhiều áp lực trong quá trình giải quyết hồ sơ, giảm số lượng hồ sơ trễ hạn và tăng số lượng hồ sơ đúng hạn, giảm hồ sơ tồn.

Tính đến 31/12/2023, tổng hồ sơ liên thông thuế là 141.563 hồ sơ, mô hình giúp tăng số lượng hồ sơ đạt từ 93,30% (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2014) lên 98,31% (năm 2023), giảm tỷ lệ hồ sơ không đạt từ 6,70% (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2014) xuống còn 1,69% (năm 2023) đã phần nào chứng minh được hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử trong cấp GCN tại huyện, cụ thể như Bảng 2.

Quản lý tài nguyên & Môi trường

Bảng 2. Kết quả thực hiện Liên thông thuế tại huyện Nhơn Trạch (từ 01/07/2014 đến 31/12/2023)

Thời gian	Tổng HS LTT (hồ sơ)	Liên thông thuế điện tử						Liên thông thuế truyền thống					
		Tổng cộng		Hồ sơ đạt		Hồ sơ không đạt		Tổng cộng		Hồ sơ đạt		Hồ sơ không đạt	
		Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)
T7-T12/ 2014	2.924	-	-	-	-	-	-	2.924	100	2.728	93,30	196	6,70
2015	9.296	-	-	-	-	-	-	9.296	100	8.797	94,63	499	5,37
2016	16.351	-	-	-	-	-	-	16.351	100	15.402	94,20	949	5,80
2017	20.257	-	-	-	-	-	-	20.257	100	19.259	95,07	998	4,93
2018	21.854	8.829	40,40	8.079	91,51	750	8,49	13.025	59,60	12.352	94,83	673	5,17
2019	24.648	23.809	96,60	22.463	94,35	1.346	5,65	839	3,40	798	95,11	41	4,89
2020	13.584	13.462	99,10	12.979	96,41	483	3,59	122	0,90	116	95,08	6	4,92
2021	12.779	12.779	100,00	12.411	97,12	368	2,88	-	-	-	-	-	-
2022	14.495	14.495	100,00	14.254	98,34	241	1,66	-	-	-	-	-	-
2023	5.375	5.375	100,00	5.284	98,31	91	1,69	-	-	-	-	-	-
Tổng	141.563	78.749	55,63	75.470	95,84	3.279	4,16	62.814	44,37	59.452	94,65	3.362	5,35

Nguồn: Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Nhơn Trạch, 2014-2023 [17]

(i) LTT truyền thống: mô hình đã liên thông được 62.814 hồ sơ với 59.452 hồ sơ đạt, chiếm 94,65% tổng số hồ sơ LTT và tỷ lệ hồ sơ không đạt chiếm 5,35%. Lượng hồ sơ nhiều gây áp lực đối với cán bộ dẫn đến tình trạng hồ sơ bị trễ hẹn.

(ii) LTT điện tử: tổng hồ sơ LTT điện tử đến ngày 31/12/2023 là 78.749 hồ sơ. Trong đó có 75.470 hồ sơ đạt (chiếm 95,84%) và 3.279 hồ sơ không đạt (chiếm 4,16%) tổng số hồ sơ LTT điện tử. Tỷ lệ này thấp hơn kết quả nghiên cứu tại Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai [18]. Tỷ lệ hồ sơ đạt trên cả 2 hình thức chiếm 95,25% tổng hồ sơ LTT và tỷ lệ hồ sơ không đạt chiếm 4,75% tổng số hồ sơ LTT. Trong đó, các trường hợp hồ sơ không đạt chủ yếu là do lỗi khi gửi qua cơ quan Thuế, xác định nguồn gốc sai, không đúng với tài liệu đi kèm, sai thông tin địa chính, thiếu bản scan đính kèm, thiếu thông tin tài sản trên đất, xác định sai vị trí thửa đất... Ngoài ra năm 2022, 2023; hồ sơ không đạt một phần do thiếu Chứng minh nhân dân để tra mã số thuế do đổi sang Căn cước công dân và không có lỗi chuyển qua Tổng cục Thuế do hệ thống đã khá hoàn thiện. Các nguyên nhân đó dẫn đến hồ sơ trả, hồ sơ trễ hẹn. Do đó, cần xử lý các thông tin chính

xác ngay từ đầu, tránh trường hợp sai sót.

3.3. Đánh giá hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận tại huyện Nhơn Trạch

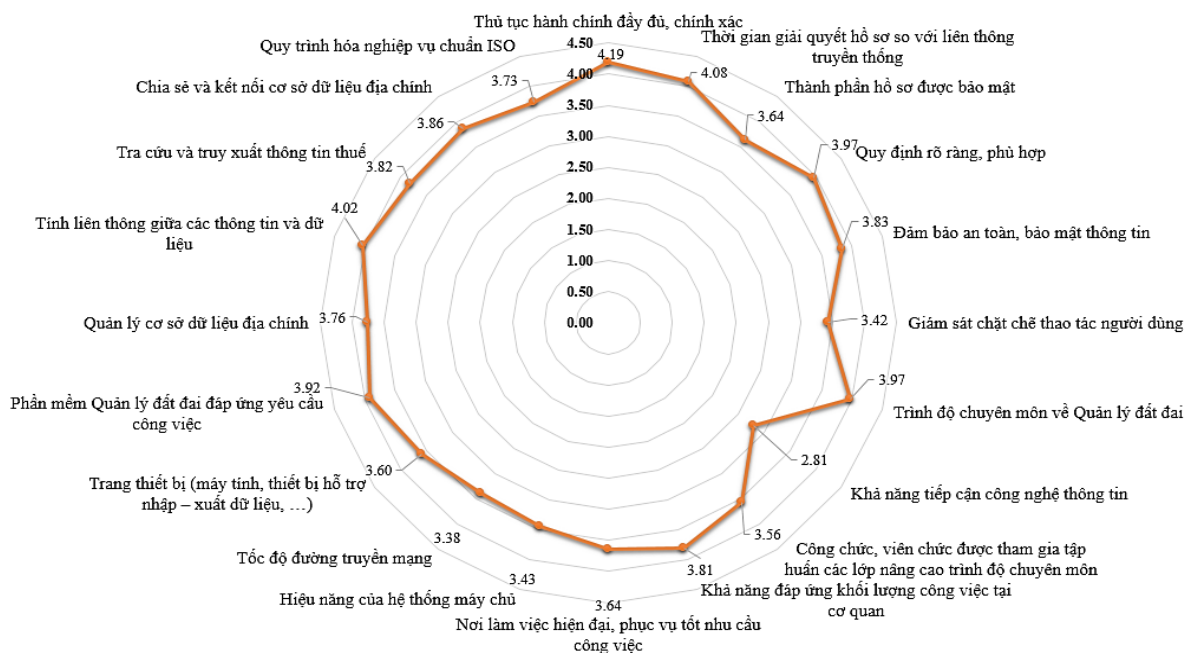
a. Đánh giá của cán bộ

Số liệu Bảng 3 và Hình 4 cho thấy cán bộ công chức viên chức đánh giá hiệu quả mô hình LTT điện tử với 19/20 tiêu chí ở mức tốt, duy nhất có tiêu chí khả năng tiếp cận công nghệ thông tin ở mức trung bình (2,81 điểm). Quá trình vận hành mô hình LTT điện tử được đánh giá ở mức tốt (điểm trung bình 3,84); các tiêu chí đều đạt mức tốt, trong đó tiêu chí “Tính liên thông giữa các thông tin và dữ liệu” đạt cao nhất (với 4,02 điểm). Qua đó thấy được mô hình đang được quản lý tốt, được cập nhật theo định kỳ, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy xuất thông tin thuế và quy trình hóa nghiệp vụ phục vụ cải cách thủ tục hành chính về đất đai. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: Khả năng tiếp cận công nghệ thông tin, khả năng giám sát chặt chẽ thao tác người dùng, tốc độ đường truyền mạng... từ đó cho cái nhìn tổng quát làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ về hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận

Tiêu chí đánh giá	Thang đánh giá (%)					Điểm trung bình	Mức đánh giá
	5	4	3	2	1		
1. Thủ tục hành chính						3,97	Tốt
- Thủ tục hành chính đầy đủ, chính xác	46,67	27,78	23,33	2,22	0,00	4,19	Tốt
- Thời gian giải quyết hồ sơ so với liên thông truyền thống	50,00	14,44	28,89	6,67	0,00	4,08	Tốt
- Thành phần hồ sơ được bảo mật	22,22	30,00	37,78	10,00	0,00	3,64	Tốt
2. Quy định vận hành mô hình liên thông thuế điện tử						3,74	Tốt
- Giám sát chặt chẽ thao tác người dùng	38,89	28,89	22,22	10,00	0,00	3,97	Tốt
- Quy định rõ ràng, phù hợp	34,44	24,44	31,11	10,00	0,00	3,83	Tốt
- Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin	26,67	28,89	16,67	15,56	12,22	3,42	Tốt
3. Chất lượng nguồn nhân lực						3,54	Tốt
- Trình độ chuyên môn về Quản lý đất đai	31,11	42,22	18,89	7,78	0,00	3,97	Tốt
- Khả năng tiếp cận công nghệ thông tin	14,44	20,00	22,22	18,89	24,44	2,81	TB
- Công chức, viên chức được tham gia tập huấn các lớp nâng cao trình độ chuyên môn	18,89	30,00	38,89	12,22	0,00	3,56	Tốt
- Khả năng đáp ứng khối lượng công việc	22,22	43,33	27,78	6,67	0	3,81	Tốt

Tiêu chí đánh giá	Thang đánh giá (%)					Điểm trung bình	Mức đánh giá
	5	4	3	2	1		
4. Hạ tầng và giải pháp công nghệ						3,60	Tốt
- Nơi làm việc hiện đại, đáp ứng nhu cầu công việc	36,67	18,89	23,33	14,44	6,67	3,64	Tốt
- Hiệu năng của hệ thống máy chủ	28,89	20,00	26,67	14,44	10,00	3,43	Tốt
- Tốc độ đường truyền mạng	17,78	26,67	36,67	13,33	5,56	3,38	Tốt
- Trang thiết bị (máy tính, thiết bị hỗ trợ ...)	28,89	26,67	26,67	11,11	6,67	3,60	Tốt
- Phần mềm Quản lý đất đai đáp ứng yêu cầu công việc	45,56	22,22	15,56	12,22	4,44	3,92	Tốt
5. Quá trình vận hành mô hình liên thông thuế điện tử						3,84	Tốt
- Quản lý cơ sở dữ liệu địa chính	34,44	16,67	41,11	5,56	2,22	3,76	Tốt
- Tính liên thông giữa các thông tin và dữ liệu	46,67	16,67	28,89	7,78	0	4,02	Tốt
- Tra cứu và truy xuất thông tin thuế	42,22	13,33	32,22	8,89	3,33	3,82	Tốt
- Chia sẻ và kết nối cơ sở dữ liệu địa chính	40,00	20,00	27,78	10,00	2,22	3,86	Tốt
- Quy trình hóa nghiệp vụ chuẩn ISO	41,11	14,44	26,67	12,22	5,56	3,73	Tốt



Hình 4. Đánh giá của cán bộ về hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử

b) Đánh giá của người dân

Mô hình LTT điện tử cung cấp dịch vụ công về lĩnh vực đất đai nên ý kiến đánh giá của người sử dụng đất – khách hàng sử dụng dịch vụ này là vô cùng quan trọng. Nghiên cứu tiến hành điều tra 100 người sử dụng đất đã từng tham gia mô hình LTT điện tử thông qua các tiêu chí: (1) Thủ tục hành chính; (2) Chất lượng

nguồn nhân lực; (3) Hạ tầng và giải pháp công nghệ; (4) Đánh giá khi tham gia mô hình LTT điện tử (Bảng 4).

- Về thủ tục hành chính: Người sử dụng đất đánh giá ở mức tốt (3,70 điểm), có 4/5 tiêu chí đều đạt mức đánh giá tốt. Tiêu chí “Khả năng tiếp cận thông tin chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai” của người dân được

đánh giá ở mức trung bình (2,99 điểm). Qua đó phần nào thấy được thủ tục hồ sơ được công khai, minh bạch, rõ ràng; chi tiết mức phí/lệ phí tại địa phương đúng quy định và đang thực hiện rất tốt. Tuy nhiên để phát huy hiệu quả, người dân cần phối hợp nâng cao khả năng hiểu biết về các chính sách pháp luật, quy định để có thể phối hợp thực hiện với cơ quan một cách tốt nhất.

Đánh giá về chất lượng làm việc của cán bộ, viên chức dựa trên 03 tiêu chí và cả 03 tiêu chí đều đạt kết quả ở mức tốt (3,95 điểm). Điều đó cho thấy tuy CNVPĐKĐĐ thiếu nhân lực nhưng thể hiện thái độ, trách nhiệm và tác phong làm

việc chuyên nghiệp của cán bộ là tương đối tốt.

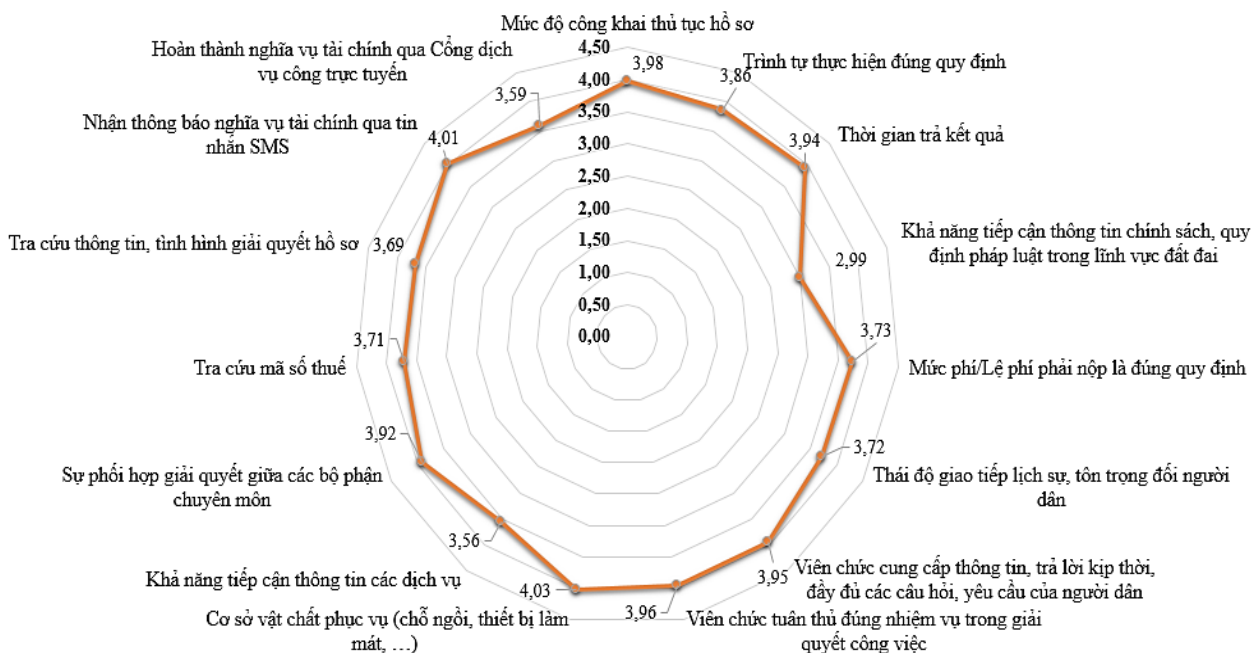
Cơ sở hạ tầng và giải pháp công nghệ phục vụ vận hành mô hình LTT thuế được đánh giá qua 3 tiêu chí và đều đạt ở mức tốt (điểm trung bình 3,84); trong đó tiêu chí “Cơ sở vật chất phục vụ (chỗ ngồi, thiết bị làm mát...)” đạt cao nhất (4,03 điểm); tiêu chí “Khả năng tiếp cận thông tin dịch vụ” đạt thấp nhất (3,56 điểm). Qua đó cho thấy hạ tầng công nghệ phục vụ vận hành mô hình LTT điện tử cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại; tuy nhiên để đảm bảo nhu cầu tương lai, địa phương cần có kế hoạch nâng cấp phần mềm đáp ứng nhu cầu thực tế ở địa phương.

Bảng 4. Đánh giá của người dân về hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận

Tiêu chí đánh giá	Thang đánh giá (%)					Điểm trung bình	Mức đánh giá
	5	4	3	2	1		
1. Thủ tục hành chính						3,70	Tốt
- Mức độ công khai thủ tục hồ sơ	46,00	13,00	34,00	7,00	0	3,98	Tốt
- Trình tự thực hiện đúng quy định	37,00	20,00	35,00	8,00	0	3,86	Tốt
- Thời gian trả kết quả	45,00	17,00	28,00	7,00	3,00	3,94	Tốt
- Khả năng tiếp cận thông tin chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai	14,00	20,00	26,00	31,00	9,00	2,99	TB
- Mức phí/Lệ phí phải nộp là đúng quy định	31,00	20,00	42,00	5,00	2,00	3,73	Tốt
2. Chất lượng nguồn nhân lực						3,95	Tốt
- Thái độ lịch sự, tôn trọng và tận tình đối với người dân	30,00	20,00	42,00	8,00	0	3,81	Tốt
- Viên chức cung cấp thông tin, trả lời kịp thời, đầy đủ các câu hỏi, yêu cầu của người dân	45,00	12,00	36,00	7,00	0	3,72	Tốt
- Viên chức tuân thủ đúng nhiệm vụ trong giải quyết công việc cho người dân	42,00	17,00	36,00	5,00	0	3,96	Tốt
3. Hạ tầng và giải pháp công nghệ						3,84	Tốt
- Cơ sở vật chất (chỗ ngồi, trang thiết bị, ...)	47,00	16,00	30,00	7,00	0	4,03	Tốt
- Khả năng tiếp cận thông tin các dịch vụ	30,00	14,00	41,00	12,00	3,00	3,56	Tốt
- Phối hợp giải quyết giữa các bộ phận chuyên môn	35,00	22,00	43,00	0	0	3,92	Tốt
4. Đánh giá khi tham gia mô hình LTT điện tử						3,75	Tốt
- Tra cứu mã số thuế	36,00	14,00	38,00	9,00	3,00	3,71	Tốt
- Tra cứu thông tin, tình hình giải quyết hồ sơ	32,00	20,00	35,00	11,00	2,00	3,69	Tốt
- Nhận thông báo nghĩa vụ tài chính qua tin nhắn SMS	42,00	17,00	41,00	0	0	4,01	Tốt
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	31,00	17,00	36,00	12,00	4,00	3,59	Tốt

Đánh giá khi tham gia mô hình LTT điện tử được đánh giá dựa trên 4 tiêu chí. Theo kết quả điều tra, 4/4 tiêu chí đều đạt mức đánh giá tốt (điểm trung bình 3,75), qua đây cho thấy mô hình LTT được cập nhật đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy xuất thông tin và quy trình hóa nghiệp vụ phục vụ cải cách hành chính về đất đai.

Tuy nhiên mô hình còn khá mới cùng với sự hiểu biết có hạn chế của người dân như: Khả năng tiếp cận thông tin chính sách, quy định của pháp luật; khả năng tiếp cận dịch vụ; cách thức hoàn thành nghĩa vụ tài chính trực tuyến... Do vậy cần hoàn thiện mô hình phù hợp với người dân cũng như ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn.



Hình 5. Đánh giá của người dân về hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử

3.4. Một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành mô hình liên thông thuế điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện Nhơn Trạch

Về công nghệ:

CNVPĐKĐĐ huyện đang sử dụng tốc độ đường truyền 28.5 KB/s. Đường truyền nội bộ của Tổng cục Thuế cũng không đảm bảo. Do đó, cần nâng cấp đường truyền cần tăng lên khoảng 30 – 50 KB/s và đầu tư trang thiết bị có cấu hình mạnh và nâng cấp phần mềm LTT điện tử để tích hợp tất cả dữ liệu lên hệ thống. Qua đó đảm bảo tốc độ chuyển đổi dữ liệu thông tin và đồng bộ số địa chính điện tử chính xác, nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho truy vấn, khai thác thông tin. Đồng bộ và hoàn thiện Phần mềm LTT điện tử trong xác định nghĩa vụ

tài chính về đất đai giữa VPĐKĐĐ với Cục Thuế tỉnh.

Hoàn thiện, tích hợp chức năng xem trực tiếp file đính kèm và xuất danh sách phiếu chuyển thuế trên phần mềm liên thông thuế điện tử, nhằm rút ngắn thao tác người dùng và phục vụ thanh tra, kiểm toán hiệu quả nhất.

Cho phép được nhập thêm số tờ bản đồ, số thửa đất, tích hợp sẵn vào ô chiều sâu thửa đất, chiều rộng thửa đất trên cùng một phiếu chuyển thông tin địa chính thuộc cùng chủ sử dụng trên cùng một phiếu chuyển thuế, để rút ngắn thời gian xử lý, tinh gọn thủ tục hành.

Về tổ chức thực hiện:

Quán triệt việc thực hiện các chủ trương, quy định, hướng dẫn về quản lý, cập nhật, vận hành phần mềm LTT điện tử ở tất cả đơn vị liên

quan nhằm tăng hiệu quả quản lý và vận hành mô hình; đảm bảo tính thống nhất, hiện thời, đồng bộ của các cấp.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân cũng như khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm rút ngắn thời gian xử lý công việc. Đồng thời, tăng tính công khai, minh bạch thủ tục hành chính.

Cần có sự hợp tác giữa các cơ quan Nhà nước có liên quan đến công tác cấp GCN để khi cần đến sẽ được hỗ trợ và liên kết chặt chẽ tạo nên một vòng tròn khép kín từ lúc người dân nộp hồ sơ đến lúc người dân nhận hồ sơ.

Đào tạo nâng cao trình độ cán bộ để vừa am hiểu cả về công nghệ thông tin lẫn kiến thức chuyên môn nhằm tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai. Tổ chức tập huấn các tính năng mới của phần mềm cho cán bộ.

- Về tài chính:

Để nâng cấp tốc độ đường truyền, trang thiết bị máy móc, phần mềm cần đầu tư nhiều kinh phí. Do vậy việc huy động nguồn là rất quan trọng để nâng cao hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử.

Tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực của cán bộ về chuyên môn và công nghệ cũng đòi hỏi thời gian và kinh phí đầu tư. Do vậy cần có xây dựng cơ chế tài chính thu chi phù hợp để duy trì khả năng vận hành mô hình LTT điện tử.

4. KẾT LUẬN

Trong công tác cấp GCN, khi tham gia mô hình LTT điện tử người sử dụng đất chỉ cần nộp 01 bộ hồ sơ thay vì 02 bộ so với trước đây, giảm thời gian giải quyết hồ sơ, tạo sự liền mạch và tránh sai sót và trùng lặp thông tin; tăng tính công khai minh bạch, đưa mô hình dịch vụ công trực tuyến đạt đến mức độ 3,4, tạo thuận lợi cho người dân hoàn thành lệ phí.

Kết quả nghiên cứu cho thấy huyện vận hành CSDL địa chính khá tốt, mô hình LTT điện tử tương đối hoàn thiện và thực hiện đúng quy định hiện hành về quản lý, khai thác, cập nhật và chia sẻ, kết nối CSDL địa chính; hỗ trợ đắc

lực cho công tác quản lý đất đai. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng hồ sơ trễ hạn, không đạt chiếm tỉ lệ nhỏ (4,75%) và số lượng hồ sơ trước hạn và đúng hạn đạt 95,25%. Kết quả xử lý hồ sơ trên phần mềm Quản lý đất đai, kể từ khi bắt đầu LTT trên phần mềm (01/03/2018) đến ngày 31/12/2023 đã có 78.749 hồ sơ đã được CNVPĐKĐĐ chuyển cho cơ quan thuế tiếp nhận để xác định nghĩa vụ tài chính, trong đó 75.470 hồ sơ đạt và có thông báo thuế. Cán bộ công chức, viên chức đánh giá hiệu quả hình LTT điện tử với 19/20 tiêu chí ở mức tốt, duy nhất có tiêu chí khả năng tiếp cận công nghệ thông tin được đánh giá ở mức trung bình. Người dân đánh giá hiệu quả mô hình LTT điện tử với 14/15 tiêu chí ở mức tốt, duy nhất có tiêu chí khả năng tiếp cận thông tin, chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai ở mức trung bình. Mô hình vẫn chưa thể phát huy tối đa do còn tồn tại một số hạn chế về chức năng của các phần mềm có liên quan, quá trình trao đổi thông tin giữa các cơ quan còn chưa đảm bảo. Vì vậy để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành mô hình LTT điện tử trong công tác cấp GCN quyền sử dụng đất cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: giải pháp về công nghệ, giải pháp nguồn nhân lực và giải pháp tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài nguyên & Môi trường Bộ Tài chính (2016). Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 Quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.
- [2]. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2024). Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 của ngành Tài nguyên và Môi trường. Hà Nội, ngày 20/12/2024.
- [3]. Musbahu Ahmad Bunza & Bakare Taopic Olarewaju Sani AbdulRahman Bala (2021). Use of Information and Communication Technology in Tax Administration and Tax Compliance in Nigeria. Al-Hikmah Journal of Education, Al-Hikmah University Ilorin, Kwara State. 8(2): 192-202
- [4]. O.O & K. O. Ogbeta. Ayeni (2022). Information and Communication Technology (ICT) Compliance as a Determinant of Effective Tax Administration in The Gambia. International Journal of Research and

Innovation in Social Science (IJRISS). 6(2): 526-534.

[5]. I Nyoman Wirya Sentanu & Ketut Budiarta (2019). Effect of Taxation Modernization on Tax Compliance. International Research Journal of Management, IT & Social Sciences. 6(4): 207-213.

[6]. Đỗ Thị Tám, Trịnh Quang Nam & Nguyễn Bá Long (2022). Đánh giá hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Bình. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. (3): 154-164.

DOI: 10.55250/jo.vnuf.2022.3.154-164

[7]. Lê Việt Hoàng, Đỗ Thị Tám, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn & Tạ Minh Ngọc (2024). Đánh giá hoạt động của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 13(4): 156 – 166.

DOI: 10.55250/Jo.vnuf.13.4.2024.156-166

[8]. Nguyễn Thành Hưng (2016). Quản lý nhà nước đối với các khoản thu từ đất ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Đại học Thương mại, Hà Nội.

[9]. Đặng Hùng Võ (2019). Đất đai - nguồn lực tài chính để phát triển. Hội thảo Khoa học quốc gia “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”. 17-30.

[10]. Likert, R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. 22 (140): 5-55.

[11]. Tỉnh ủy Đồng Nai (2009). Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/7/2009 xây dựng thành phố Nhơn Trạch đạt các tiêu chí của một đô thị loại II vào năm 2020.

[12]. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai (2023). Nghị

quyết số 09-NQ/TU về phát triển đô thị Nhơn Trạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

[13]. Chi cục Thuế huyện Nhơn Trạch (2014-2023). Báo cáo công tác thu thuế trên địa bàn huyện Nhơn Trạch năm 2014 - 2023

[14]. UBND tỉnh Đồng Nai (2018). Tài liệu hội nghị “Tập huấn nghiệp vụ cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai”.

[15]. UBND tỉnh Đồng Nai (2023). Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về việc Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai.

[16]. Sở TNMT tỉnh Đồng Nai (2020). Văn bản số 5263/STNMT-TTCNTT ngày 08/7/2020 về triển khai, vận hành chính thức liên thông thuế điện tử giữa phần mềm Quản lý đất đai và phần mềm Quản lý trước bạ nhà, đất.

[17]. Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Nhơn Trạch (2014-2023). Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ các năm 2014 - 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015 -2024.

[18]. Nguyễn Ngọc Thy, Trương Đỗ Thùy Linh & Nguyễn Thị Thanh Tuyền (2018). Nghiên cứu hiệu quả mô hình liên thông thuế điện tử trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tạp chí Khoa học Đất. 64: 182 – 187.